QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG TA TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC

ThS. NGUYỄN DUY TÂN

Việt Nam là một quốc gia độc lập, thống nhất, đa dân tộc. Việc thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc là một đòi hỏi bức thiết trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của nước ta. Đồng thời, đó còn là một nhân tố quan trọng đảm bảo cho xã hội Việt Nam ổn định và phát triển. Đảng ta coi trọng vấn đề thực hiện bình đẳng, đoàn kết dân tộc giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển là vấn đề chiến lược của cách mạng, là một nội dung quan trọng của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH). Phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) vùng dân tộc thiểu số là điều kiện quan trọng để thực hiện bình đẳng, đoàn kết và tương trợ giữa các dân tộc ở nước ta.

Trong những năm qua, KT-XH nước ta đã có những bước phát triển và tiến bộ nhất định, góp phần làm biến đổi đáng kể bộ mặt các dân tộc và các vùng dân tộc ít người. Sản xuất nông nghiệp ở nhiều vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào các dân tộc từ chỗ mang tính chất tự nhiên, tự cấp, tự túc đã chuyển sang sản xuất hàng hóa và phát triển khá phổ biến ở các vùng gắn với thị trường trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh sản xuất lương thực và chuyển sang thâm canh nâng cao năng suất ở các vùng có điều kiện, nhiều địa phương đã bước đầu có sự chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng. Thời gian qua, sản xuất kinh tế ở nhiều vùng của các dân tộc ít người đã bước đầu chuyển dần từ nông thôn thuần nông, tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa, hoạt động kinh doanh đa dạng. Đã có sự sắp xếp lại một bước cơ cấu kinh tế theo hướng khai thác thế mạnh của từng vùng theo hướng sản xuất hàng hóa như: cà phê, cao su, chè ở các tỉnh Tây Nguyên. Chè, hồi, quế, sa nhân, thảo quả... ở các tỉnh miền núi phía Bắc, cây lương thực, rau màu ở đồng bằng sông Cửu Long. Kết hợp kinh doanh tổng hợp phù hợp với điều kiện từng nơi; nhiều làng, bản đã từng bước phát huy tiềm năng thế mạnh kinh tế của mình với cách làm ăn mới. Sự phát triển kinh tế cũng đã nâng dần mức sống cho các hộ nông dân ở nông thôn và miền núi. Ở nhiều nơi đã hình thành và phát triển kinh tế trang trại...

Cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống được xây dựng ngày càng nhiều. Mở rộng diện tích khai hoang tạo ra ruộng nước, ruộng bậc thang, ruộng cạn để từ du canh du cư sang hướng định canh, thâm canh. Thực hiện vận động định canh định cư tương đối ổn định cho 2 triệu/3 triệu người còn du canh du cư. Trong đó, 30% số hộ đã có đời sống tương đối khá. Mạng lưới thủy lợi được phát triển mạnh, đã hình thành mạng lưới tưới tiêu bằng công trình xây dựng ở Việt Bắc đạt 70-80%, Tây Bắc 60%, Tây Nguyên 90% diện tích ruộng có công trình thủy lợi tưới tiêu. Hệ thống giao thông đã có bước phát triển, tất cả các huyện miền núi đều đã có đường ô tô, 100% số xã của các tỉnh Tây Nguyên và duyên hải miền Trung đã có đường ô tô đi đến trung tâm xã vào mùa khô. Các miền khác thuộc miền núi, vùng cao có từ 50-70% xã có đường ô tô đến được trung tâm. Mạng lưới điện cũng đã phát triển, nhiều vùng trong toàn quốc đã nối được mạng lưới điện

quốc gia. Ở những vùng cao, vùng xa như Hà Giang, Lai Châu cũng đã có điện lưới quốc gia.

Hiện nay, ước tính trong cả nước có đến 100% số huyện miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có đường dây điện thoại, nhiều xã thuộc các địa phương miền núi, vùng đồng bào các dân tộc cũng đã có điện thoại.

Sự nghiệp giáo dục, văn hóa, bảo vệ sức khỏe và nâng cao dân trí trong các dân tộc thiểu số có bước phát triển đáng kể. Đã hình thành hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú ở tất cả các tỉnh, huyện miền núi. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ của các dân tộc được khuyến khích phát triển để tiếp tục phát huy truyền thống và bản sắc dân tộc. Hệ thống truyền thanh, truyền hình cũng đã phát triển đến hầu hết các huyện của vùng dân tộc thiểu số góp phần từng bước phá vỡ sự cách biệt giữa các miền, vùng trong cả nước.

Mạng lưới y tế, phòng và chữa bệnh đã phát triển rộng khắp đến huyện và cơ sở, khống chế được các bệnh xã hội, đặc biệt là bệnh sốt rét được hạn chế đến mức thấp nhất không để xảy ra dịch.

Những thành tựu đạt được đã đem lại những tiến bộ cho các dân tộc. Nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đang từng ngày có sự đổi mới. Kết quả rõ nét là duy trì sự ổn định KT-XH, hình thành những vùng chuyên sản xuất hàng hóa cũng như các trung tâm công nghiệp lớn như: than Quảng Ninh, gang thép Thái Nguyên, aptit Lào Cai, thủy điện Hoà Bình, Sơn La, Yaly... Việc đầu tư đúng trọng tâm, trọng điểm đã tạo ra sự khởi sắc trong việc thay đổi vật nuôi, cây trồng, hướng tới chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển kinh tế hàng hóa, từng bước nâng cao dân trí, thực hiện xoá đói giảm nghèo. Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng sự biến đổi về KT-XH đó mới chỉ thể hiện ở những nơi có điều kiện thuận lợi và cũng mới chỉ là bước đầu. Hiện nay về cơ bản, vùng đồng bào dân tộc, miền núi nước ta vẫn là vùng kinh tế chậm phát triển, đời sống đồng bào dân tộc còn gặp rất nhiều khó khăn cần được đầu tư, quan tâm giải quyết.

Ở miền núi cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hầu hết các hộ nông dân vẫn ở tình trạng sản xuất nhỏ, tự cung, tự cấp và còn nhiều vấn đề thuộc lĩnh vực KT-XH chưa được giải quyết.

Một số quan điểm cơ bản:

Một là, tiếp tục quán triệt quan điểm đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Phát triển KT-XH, đặc biệt là phát triển kinh tế để nâng cao mức sống của các dân tộc, khắc phục dần từng bước sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc là vấn đề có ý nghĩa quyết định cho việc thực hiện thắng lợi chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, đảm bảo cho đất nước ổn định và phát triển.

Hai là, phát triển KT-XH vùng dân tộc, miền núi là một bộ phận hữu cơ của chiến lược phát triển nền kinh tế quốc dân. Quan điểm này có ý nghĩa lớn trong đổi mới nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa của vấn đề dân tộc nói chung, việc phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc và miền núi nói riêng. Mối quan hệ hữu cơ vừa nêu nói lên sự tác động tương hỗ giữa KT-XH miền núi, vùng đồng bào dân tộc đối với nền kinh tế quốc dân và ngược lại. Hiện nay, khi cả nước đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh CNH, hiện đại hóa mà trọng tâm trước mắt là CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn thì các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số cũng nằm trong quỹ đạo chung đó.

Quan điểm trên chỉ rõ trách nhiệm cho các cấp các ngành và địa phương. Ngay trong Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị khi nêu quan điểm này cũng chỉ rõ: Một mặt các địa phương miền núi có trách nhiệm góp phần thực hiện những chủ trương chiến lược phát triển KT-XH chung của cả nước. Mặt khác, việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện những chủ trương, chính sách chung ở miền núi phải tính đầy đủ đến những đặc điểm về tự nhiên, lịch sử, kinh tế, xã hội, văn hóa phong tục tập quán của miền núi nói chung và của riêng từng vùng, từng dân tộc.

Ba là, phát triển KT-XH vùng miền núi và vùng dân tộc thiểu số là trách niệm chung của cả nước, trước hết là bản thân Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc vùng miền núi và vùng dân tộc thiểu số phải phát huy ý chí tự lực, tự cường, chống tư tưởng ban ơn, ỷ lại. Khai thác và xây dựng miền núi vì lợi ích trực tiếp của nhân dân

miền núi, đồng thời vì lợi ích chung của cả nước.

Có nhận thức đầy đủ quan điểm trên mới quán triệt được trong suy nghĩ hành động của cán bộ, nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và toàn xã hội nói chung. Cũng từ quan điểm này càng thấy rõ hơn nội dung KT-XH trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta. Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị chỉ rõ: Đất đai tài nguyên miền núi là của chung cả nước, thuộc sở hữu toàn dân. Song, đồng bào miền núi có trách nhiệm và quyền trực tiếp làm chủ, sử dụng cụ thể đất đai, rừng núi và tài nguyên đó để phát triển kinh tế vì lợi ích của chính mình và vì lợi ích chung của xã hội, vừa trực tiếp tham gia gìn giữ bảo vệ biên cương Tổ quốc.

Đảng ta cũng chỉ rõ trong triển khai Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị: Miền núi, các vùng dân tộc phải chống tư tưởng chỉ quan tâm khai thác tài nguyên mà coi nhẹ bảo vệ, tái tạo tài nguyên, làm cho tài nguyên miền núi ngày càng cạn kiệt, phá hoại môi trường sinh thái; quán triệt phương châm "Trung ương và địa phương cùng làm. Nhà nước và nhân dân cùng làm".

Bốn là, phát triển KT-XH vùng miền núi và vùng dân tộc thiểu số phải dựa trên cơ sở đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương và các dân tộc, tộc người; ưu tiên hỗ trợ những vùng không có điều kiện phát triển kinh tế thị trường.

Tình trạng kinh tế chậm phát triển, sự tồn tại của phương thức kinh tế truyền thống ở nhiều dân tộc, sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc, tộc người và giữa các vùng, miền đòi hỏi phải đẩy nhanh việc phát triển kinh tế hàng hóa, phát triển đa dạng các thành phần kinh tế, chú trọng đến phát triển kinh tế hộ gia đình trong đồng bào dân tộc thiểu số, nhân rộng mô hình trang trại ở các địa phương miền núi, vùng dân tộc thiểu số. Mặt khác, các hình thức kinh doanh quốc doanh, hợp tác xã cũng đòi hỏi phải chuyển đổi phương thức sản xuất kinh doanh và quy mô phù hợp.

Năm là, phát triển KT-XH vùng miền núi và vùng dân tộc thiểu số phải theo quan điểm toàn diện trong mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.

Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị chỉ rõ: Để thực hiện trên thực tế quyền bình đẳng giữa các dân tộc, một mặt pháp luật phải bảo đảm quyền bình đẳng đó; mặt khác phải có chính sách và tạo điều kiện để nhân dân các dân tộc miền núi vươn lên mạnh mẽ, phát triển kinh tế - văn hóa, từng bước nâng cao năng suất lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, coi trọng đào tạo cán bộ người dân tộc; tôn trọng và phát huy những phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc.

Nội dung của quan điểm vừa nêu chỉ rõ: Việc phát triển kinh tế không chỉ đơn thuần vì mục tiêu kinh tế. Hàng loạt mối quan hệ giữa kinh tế - chính trị, kinh tế - văn hóa, KT-XH, kinh tế - an ninh, quốc phòng... luôn luôn phải tính đến trong quá trình phát triển KT-XH vùng dân tộc và miền núi. Đây cũng là phương hướng chỉ đạo thực hiện các dự án, chương trình phát triển KT-XH vùng dân tộc và miền núi.

Sáu là, phát triển KT-XH vùng miền núi và vùng dân tộc thiểu số là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài và là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị.

Sau những năm thực hiện đổi mới, vị trí tầm quan trọng của phát triển KT-XH ở nông thôn miền núi, các dân tộc thiểu số đã được cụ thể hoá bằng chính sách đầu tư ưu tiên. Tuy vậy, cho đến nay mức độ đầu tư, hiệu quả đầu tư, lồng ghép các chương trình đầu tư... vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH miền núi mà mục đích trọng tâm đặt ra là giảm bớt sự chênh lệch lớn trong trình độ phát triển giữa các dân tộc, tộc người và giữa các vùng miền của đất nước.

Những quan điểm vừa nêu thể hiện sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Đảng ta trong phát triển KT-XH miền núi và các vùng dân tộc. Nhận thức, quán triệt đầy đủ những quan điểm trên có ý nghĩa thời sự cấp bách không chỉ trong hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển KT-XH vùng dân tộc và miền núi mà còn có ý nghĩa lớn trong chiến lược phát triển KT-XH của đất nước.

N.D.T